

Name:

Vocabulary + Grammar:

Class: S2...

Listening:

Ngày giao bài: Thứ..., ngày.../.../...

Mini Test:

Ngày nộp bài: Thứ..., ngày.../.../...



GLOBAL ENGLISH 2

VOCABULARY REVISION & MOVERS SPEAKING PRACTICE

A. VOCABULARY

• Past simple irregular verbs

No.	Base form	Past simple	Meaning	No.	Base form	Past simple	Meanings
1	see	saw	nhìn, thấy	6	think	thought	nghĩ
2	go	went	đi	7	make	made	làm, tạo ra
3	say	said	nói	8	eat	ate	ăn
4	write	wrote	viết	9	run	ran	chạy
5	draw	drew	vẽ				

• Extra vocabulary

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	depart (v)	rời khỏi, khởi hành	3	pet shop (comp.n)	cửa hàng thú cưng
2	have a temperature (phr)	bị sốt			

*Note: Base form: động từ nguyên mẫu; Past simple: động từ chia ở dạng quá khứ; phr = phrase: cụm từ; comp.n = compound noun: danh từ ghép; v = verb: động từ.

*Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 ĐỒNG** vào vở ghi.

B. HOMEWORK

VOCABULARY & GRAMMAR

I. Match the given pictures with the suitable words. (Nối tranh với từ vựng phù hợp.)

0. 	1. 	2. 
A. root	B. stem	C. pond
3. 	4. 	5. 
D. nut	E. buy	F. market

0. <u>A</u>	1.	2.	3.	4.	5.
-------------	----	----	----	----	----

II. Fill in the blanks with the correct form of verbs. (Điền vào chỗ trống với dạng đúng của động từ.)

0. Kim makes a cake every day. Kim made a cake yesterday.

1. Jim always **goes** to work by car. Yesterday, he _____ to work by car.
2. Kate **writes** the novel every day. She _____ the novel yesterday.
3. I **run** to school every day. Yesterday, I _____ to school.
4. We usually **draw** a picture on Sundays. Last Sunday, we _____ a picture.
5. I **see** her at school every day. Yesterday, I _____ her at school.

III. Complete the table with the correct form of verbs. (Hoàn thành bảng với dạng đúng của động từ.)

0.		1.		2.	
today	yesterday	today	yesterday	today	yesterday
see	<u>saw</u>	_____	drew	think	_____
3.		4.		5.	
today	yesterday	today	yesterday	today	yesterday
eat	_____	make	_____	_____	said

IV. Look, read and choose the best answer. (Nhìn và khoanh tròn đáp án đúng.)

0.		What did she do yesterday? - She Ramen noodles. A. eats B. eat C. ate
1.		I have two cats. The right is 2 years old. A. one B. on C. ones
2.		She with her brother. A. is playing B. play C. playing
3.		There some coffee in the cup. A. were B. was C. are
4.		What they yesterday? A. did ... does B. did ... do C. did ... did
5.		 two kids under the bed in my room. A. There is B. There was C. There were

*** CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE ***

Các con nghe bài ở link này: <https://soundcloud.com/ms-chi-english/movers-4-test-3-part-3>

Part 3

– 5 questions –

What did Bill do last week?

Listen and draw a line from the day to the correct picture.

There is one example.



Monday



Tuesday

Wednesday



Thursday



Friday

Saturday



Sunday

